

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: CAD 2D (CA2D)

Phòng máy:

Ngày thi: Giờ thi:

STT	HỌ VÀ TÊN	N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Nguyễn Thành Vũ	28/07/94	DH12QM	12149653				

Danh sách gồm 1 thí sinh.

(Ghi chú: cột CC=x: có ~~ĐK~~ làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt:

CB coi thi 1:

TRUNG TÂM TIN HỌC

CB coi thi 2:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: CAD 2D (CA2D)

Ca 04

Phòng máy: PM3

Ngày thi: 27/12/14 Giờ thi: 14h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Nguyễn Lê Thái	Bình	07/08/93	DH11QM	11149098				
2	Vũ Nguyễn Lê	Chi	22/10/93	DH11QM	11149108				
3	Trần Thị Thùy	Dung	25/09/93	DH11QM	11149127				
4	Vũ Thị Mỹ	Hạnh	30/01/93	DH11DLNT	11157467				
5	Đoàn Thị Thu	Hà	22/11/92	DH11DL	11157010				
6	Nguyễn Thị Thu	Hiền	08/01/93	DH11QM	11149174				
7	Võ Đại	Hiệp	04/08/93	DH11QM	11149073				
8	Giảng Thị Thu	Hồng	20/06/93	DH11DL	11157013				
9	Phạm Thanh	Khoa	22/07/93	DH11DLNT	11157471				
10	Trương Văn	Khương	06/08/93	DH11DL	11157165				
11	Lương Thị	Loan	26/01/93	DH11QM	11149223				
12	Nguyễn Thị Hồng	Loan	26/03/94	DH12QM	12149037				
13	Võ Công	Đại	16/11/92	DH11QM	11149143				
14	Trần Thị Thúy	Ngân	12/03/93	DH11QM	11149494				
15	Nguyễn Hồng Bảo	Ngọc	10/01/93	DH11QM	11149031				
16	Trần Đức	Quân	29/09/93	DH11QM	11149041				
17	Vũ Huệ	Quyên	05/09/93	DH11QM	11149505				
18	Nguyễn Thị	Sen	20/01/93	DH11QM	11149044				
19	Võ Thị Minh	Thạnh	09/02/93	DH11QM	11149519				
20	Nguyễn Thu	Thảo	20/09/93	DH11QM	11149340				
21	Lê Thị	Thời	10/08/93	DH11DL	11157061				
22	Lục Thị Thanh	Thủy	26/09/93	DH11QM	11149369				
23	Nguyễn Anh	Tinh	05/10/93	DH11DLNT	11157484				
24	Phạm Thị Huệ	Trinh	04/02/93	DH11DLNT	11157475				

Danh sách gồm 24 thí sinh. (Ghi chú: 'cột CC=x: có ~~EX~~ làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: CAD 2D (CA2D)

Ca 04

Phòng máy: PM4

Ngày thi: 27/12/14 Giờ thi: 14h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hoa	Trâm	16/06/93	DH11DL	11157037				
2	Huỳnh Đặng Diễm	Trinh	16/10/93	DH11DL	11157039				

Danh sách gồm 2 thí sinh.

(Ghi chú: cột CC=x: có ~~EK~~ làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

TRUNG TÂM TIN HỌC

CB coi thi 2:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: AUTOCAD (CAD)

Ca 04

Phòng máy: PM4

Ngày thi: 27/12/14 Giờ thi: 14h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh	Bình	05/09/93	CD11CI	11344055				
2	Trà Ngô Xuân	Diệu	27/08/92	DH10MT	10127021				
3	Nguyễn Thị	Hoa	15/03/92	CD11CI	11344021				
4	La Đình	Khánh	03/08/91	DH10TD	10138040				
5	Nguyễn Trung	Kiên	14/01/91	DH10CD	10153020				
6	Trần Văn	Đạt	23/03/94	DH12CD	12153004				
7	Trương Phát	Đạt	15/04/94	DH12CD	12153167				
8	Huỳnh Thái	Nguyễn	12/11/93	DH11MT	11127271				
9	Phạm Đức	Nhật	05/06/91	DH10CD	10153026				
10	Phan Xuân	Nhật	01/08/92	DH10OT	10154027				
11	Đào Hồng	Nhiên	12/10/93	DH12CB	12115098				
12	Nguyễn Hoàng	Điệp	17/06/91	CD11CI	11344022				
13	Phạm Hữu	Đức	15/09/90	DH10CD	10153009				
14	Nguyễn Minh	Phát	16/08/93	DH11CD	11137001				
15	Huỳnh Ngọc	Phong	23/01/92	DH10MT	10127104				
16	Đồng Châu	Quang	15/10/93	DH11GN	11169008				
17	Nguyễn Tấn	Quí	25/07/91	DH10TD	10138023				
18	Dương Phước Phú	Quý	22/10/93	DH11CD	11138004				
19	Cao Tấn	Tài	30/10/92	DH10MT	10127127				
20	Lâm Hòa	Thuận	14/07/91	CD11CI	11344049				
21	Bùi Bích	Trâm	06/01/92	DH10MT	10127164				
22	Đình Quốc	Trung	16/06/93	DH11OT	11154034				
23	Nguyễn Lương	Tuyến	12/08/91	DH10OT	10154053				

Danh sách gồm 23 thí sinh. (Ghi chú: 'cột CC=x: có ~~HK~~ làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Đồ họa (DH_CQ)

Ca 04

Phòng máy: PM4

Ngày thi: 27/12/14 Giờ thi: 14h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Cao Thị Ngọc	Bích	30/03/92	DH10TK	10160011				
2	Phạm Hồng	Dân	06/02/92	DH10TK	10160015				
3	Lê Diễm	Hằng	20/01/92	DH10TK	10160027				
4	Bùi Anh	Đức	16/08/92	DH10TK	10160022				
5	Phạm Minh	Trí	10/03/92	DH10CH	10131064				

Danh sách gồm 5 thí sinh.

(Ghi chú: 'cột CC=x: có ~~EK~~ làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

TRUNG TÂM TIN HỌC

CB coi thi 2:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Excel B (EXB)

Ca 06

Phòng máy: PM1

Ngày thi: 28/12/14

Giờ thi: 7h00

STT	HỌ VÀ TÊN	N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Lâm Ngọc ấn	04/10/90	DH10NH	10113006				
2	Nguyễn Phan Hoàng Ân	18/03/93	DH11TP	11125200				
3	Vy Ngọc Ân	16/04/93	DH11DD	11148056		x		
4	Hoàng Thị Ngọc Anh	10/04/93	DH11KM	11143184				
5	Lê Nguyễn Đức Anh	13/06/92	DH10TY	10112005				
6	Nguyễn Thị Anh	26/07/93	DH11KT	11120058				
7	Nguyễn Thị Ngọc Anh	19/09/93	DH11SM	11172029		x		
8	Phạm Ngọc Anh	22/11/87	LT12KEB	12423005				
9	Võ Thị Ngọc Anh	06/12/93	DH11QT	11122055				
10	Lê Công Bằng	/ /93	DH11BV	11145004		x		
11	Cao Thanh Đại Bảo	26/10/92	DH10HH	10139007				
12	Trần Thị Như Bình	28/12/93	DH11DD	11148002				
13	Phan Duy Cảnh	30/10/1989				x		
14	Cao Thị Châm	27/04/93	DH11SM	11172039				
15	Lâm Thị Ngọc Châu	01/11/93	DH11DD	11148284		x		
16	Lê Mạnh Thị Bảo Châu	19/09/93	DH11CT	11117017		x		
17	Nguyễn Thị Ngọc Châu	13/10/93	CD11CA	11363115		x		
18	Trần Phong Chánh	29/09/86	CD10CA	10363151				
19	Mai Thị Chi	16/03/92	DH11KS	11171001				
20	Phạm Thị Kim Chi	15/08/93	DH11DD	11148069				
21	Nguyễn Hoàng Chương	31/08/92	DH10TP	10125212				
22	Lê Ngọc Hoài Chung	16/08/89	LT12QT	12422006				
23	Trần Thị Chung	15/01/93	DH11NH	11113260				
24	Cao Thị Minh Chúc	28/04/93	DH11KM	11143149				
25	Trần Đình Cường	22/09/91	DH10CN	10111007				
26	Dương Phú Cường	21/01/92	DH10TY	10112017				
27	Phạm Cao Cường	10/02/92	DH11DD	11148074				
28	Lê Thị Hồng Cúc	02/05/93	DH11SH	11126058		x		
29	Lê Dương Den	01/03/94	DH12KN	12155030				
30	Lê Thị Diễm	15/11/91	LT13KE	13123015				
31	Huỳnh Thúy Diễm	21/07/93	CD11CA	11363164				

Danh sách gồm 31 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có ~~EX~~ làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Excel B (EXB)

Ca 06

Phòng máy: PM2

Ngày thi: 28/12/14

Giờ thi: 7h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Trương Ngọc	Diệu	23/03/93	DH11KS	11171104				
2	Nguyễn Thị	Doanh	20/03/93	DH11KM	11143136				
3	Nguyễn Tấn	Doãn	08/10/93	DH11TA	11161087				
4	Lê Xuân	Dương	10/02/90	LT13KE	13123028				
5	Nguyễn Hoàng Thảo	Dương	17/05/93	DH11NH	11113083		x		
6	Nguyễn Thị Thùy	Dương	14/08/93	DH11KM	11143044				
7	Phạm Văn	Dương	13/01/93	DH11TA	11161022				
8	Trần Thị Thùy	Dương	26/03/93	DH11KM	11143045		x		
9	Cao Thị Thùy	Dung	26/10/93	DH11VT	11156026				
10	Cao Thị Thùy	Dung	07/06/93	DH11BQ	11125035				
11	Chu Thị	Dung	23/09/92	DH11CT	11117026		x		
12	Nguyễn Hồ Mỹ	Dung	26/10/92	DH10SH	10126017				
13	Trần Ngọc	Dung	06/09/93	DH11BQ	11125037		x		
14	Võ Quốc	Dung	12/10/90	LT12QT	12422010				
15	Võ Thị Kim	Dung	09/09/93	CD12CA	12363033				
16	Huỳnh Tấn	Dũng	25/04/93	DH11SH	11126292		x		
17	Lê Văn	Dũng	01/10/90	DH11BQ	11125041		x		
18	Đặng Tiến	Dũng	15/10/93	DH11KS	11171019		x		
19	Nguyễn Tiến	Dũng	04/10/91	DH10TY	10112023				
20	Huỳnh Phương	Duy	15/02/93	CD11CS	11336086				
21	Lê Thị Mỹ	Duyên	10/11/93	CD11CA	11363003				
22	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	01/04/93	DH11NH	11113265				
23	Đoàn Thị Mỹ	Duyên	25/05/92	DH11KE	11123212				
24	Tô Kim	Duyên	29/03/92	DH10QT	10122034				
25	Võ Thị Xuân	Duyên	20/08/93	DH11KS	11171018		x		
26	Nguyễn Thị Nhung	Em	15/09/93	DH11TA	11161003				
27	Lương Thị Hương	Giang	07/05/88	LT12KEB	12423030				
28	Nguyễn Thống	Giang	01/01/92	DH10BV	10145036				
29	Phạm Trường	Giang	16/03/93	DH11NT	11116100		x		
30	Trần Thanh	Giang	/ /92	DH11TC	11164015				
31	Nguyễn Phước	Hậu	30/01/93	DH11BV	11145212				

Danh sách gồm 31 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có ~~EX~~ làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Excel B (EXB)

Ca 06

Phòng máy: PM3

Ngày thi: 28/12/14

Giờ thi: 7h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Cao Thị Thanh	Hằng	12/03/92	DH10KM	10143025		x		
2	Ngô Thị Thúy	Hằng	28/03/93	DH11KS	11171028		x		
3	Trần Thị Thanh	Hằng	27/06/93	CD11CA	11363215				
4	Huỳnh Thị Mỹ	Hạnh	27/08/93	CD11CA	11363181				
5	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	13/04/93	DH11DD	11148103				
6	Bùi Thị Thu	Hà	10/10/94	DH12TM	12122126		x		
7	Lê Thị	Hà	26/09/93	DH11KM	11143168				
8	Nguyễn Thị	Hà	01/07/92	DH11DD	11148098				
9	Nguyễn Thị Thu	Hà	23/06/86	LT12BQ	12425002				
10	Nguyễn Thị Thu	Hà	06/04/93	DH11TP	11148099				
11	Đồng Thị Vũ	Hà	11/01/93	DH11KM	11143047		x		
12	Thái Thị	Hà	16/02/92	DH11KN	11155013				
13	Trần Thị	Hà	09/01/94	DH12TM	12122129		x		
14	Trương Hồng	Hà	01/05/93	DH11TA	11161027				
15	Vũ Thị Hồng	Hà	03/12/92	DH10KE	10123046				
16	Bùi Ngọc	Hiền	15/01/93	DH11KM	11143052				
17	Trần Thị	Hiền	19/12/93	DH11KM	11143055				
18	Lâm Mỹ	Hiếu	11/08/92	DH10SH	10126045				
19	Phạm Nguyễn Trung	Hiếu	08/04/93	DH11SM	11172074				
20	Hồ Thị Thanh	Hoa	02/09/93	DH11SM	11172237		x		
21	Lê Thị	Hoa	25/03/93	DH11KM	11143007				
22	Nguyễn Thị Thúy	Hoa	29/09/88	LT12KEA	12423060				
23	Đỗ Thị	Hoa	09/08/91	DH10HH	10139062				
24	Trần Thị Tuyết	Hoa	11/04/94	DH12SH	12126156				
25	Nguyễn Thị	Hoài	24/04/93	DH11QT	11122072				
26	Nguyễn Duy	Hoàng	07/04/92	DH10TP	10112055				
27	Bùi Thị	Hưng	12/07/91	LT12KEA	12423056				
28	Lê Hoài	Hưng	05/02/90	LT12KEB	12423057				
29	Nguyễn Quốc	Hưng	17/05/93	DH11CN	11111077		x		
30	Phạm Văn	Hưng	01/10/89	LT12QT	12422014				
31	Lê Thị Thúy	Hòa	10/04/91	DH10HH	10139072		x		

Danh sách gồm 31 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có EK làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Excel B (EXB)

Ca 06

Phòng máy: PM4

Ngày thi: 28/12/14

Giờ thi: 7h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Trần Thị	Hòa	01/06/93	DH11SM	11172079		x		
2	Bùi Thu	Hương	10/07/93	DH11KM	11143229				
3	Dương Thị	Hương	06/04/92	DH11NH	11113116		x		
4	Lê Diễm	Hương	03/09/92	DH10BV	10145061				
5	Nguyễn Thị	Hương	19/03/93	DH11KE	11123114		x		
6	Nguyễn Thị Diễm	Hương	13/03/93	DH11KS	11171036		x		
7	Trần Thị Diễm	Hương	06/01/93	DH11KN	11155022				
8	Trần Thị Thu	Hương	11/12/93	DH11KM	11143010				
9	Vũ Thị Thanh	Hương	10/06/93	DH11BQ	11125151		x		
10	Nông Thị	Hường	07/06/92	DH11KM	11143011				
11	Nguyễn Quang	Hữu	10/05/93	DH11NY	11141069		x		
12	Bá Thị	Huệ	10/09/91	DH10NT	10116167				
13	Nguyễn Thị	Huệ	06/02/93	DH11TP	11148009				
14	Trần Thị Kim	Huệ	22/10/93	DH11KM	11143059		x		
15	Vũ Thị	Huệ	29/12/92	DH10TY	10112061				
16	Lê Cao Thanh	Hùng	25/09/93	DH11DL	11157152				
17	Bùi Huỳnh	Huy	27/12/93	DH11TA	11161035				
18	Hồ Minh	Huy	18/11/93	DH11NT	11116039				
19	Nguyễn Quốc	Huy	29/01/91	DH10NH	10113057				
20	Trịnh Minh	Huy	24/11/93	DH11QT	11122076				
21	Lê Thị	Huyền	02/09/93	CD11CA	11363185				
22	Lê Thị Mỹ	Huyền	04/12/92	DH11KM	11143180		x		
23	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	01/08/93	DH11KL	11170037				
24	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	19/05/93	CD11CA	11363105		x		
25	Võ Thị	Huyền	31/08/93	DH11DD	11148121		x		
26	Phan Thị Như	Huỳnh	12/01/93	DH11NY	11141114				
27	Nguyễn Trường	Kha	07/04/93	DH11NT	11116043		x		
28	Nguyễn Minh	Khai	18/02/92	CD11CS	11336267				
29	Huỳnh Văn	Khang	13/03/93	DH11CT	11117003				
30	Trần Hoàng	Khang	18/07/93	DH11KS	11171039		x		
31	Võ Duy	Khánh	12/02/93	DH11NT	11116044		x		

Danh sách gồm 31 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có ~~ĐK~~ làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Excel B (EXB)

Ca 07

Phòng máy: PM1

Ngày thi: 28/12/14 Giờ thi: 8h50

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Nguyễn Viết	Khoa	24/10/92	DH10TY	10112076				
2	Võ Ngọc	Khôi	10/12/87	LT10BQ	10425024				
3	Lê Trung	Kiên	10/08/90	LT12SH	12426007				
4	Phạm Thị Thiên	Kiều	30/06/92	DH10DY	10142064				
5	Võ Thị Diễm	Kiều	12/06/93	DH11DL	11157168		x		
6	Võ Thị Mỹ	Kiều	26/01/92	DH11TC	11159006				
7	Nguyễn Hồng	Kim	29/12/93	DH11KM	11143065				
8	Nguyễn Khắc	Kỷ	29/01/89	LT12KEA	12423070				
9	Cao Văn	Lâm	25/11/92	DH10QT	10122080				
10	Nguyễn Công	Lâm	19/08/93	DH11NH	11113126				
11	Huỳnh Thị Hoàng	Lan	03/02/92	DH11KM	11143067				
12	Trần Thị Hoài Than	Lanh	20/02/93	CD11CA	11363050				
13	Huỳnh Thị	Lành	02/05/93	CD11CS	11336124				
14	Nguyễn Thị	Lê	11/03/93	CD11CA	11363188				
15	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	10/04/93	DH11VT	11156104				
16	Bùi Thị	Liêm	07/04/92	DH10KE	10123089		x		
17	Huỳnh Ngọc	Liếng	06/09/93	DH11TM	11150090		x		
18	Huỳnh Vũ	Linh	15/03/91	DH11BV	11145027				
19	Lê Thị	Linh		DH12KE	12130900		x		
20	Lê Thị Phượng	Linh	17/11/92	DH10TP	10125211				
21	Mai Khánh	Linh	23/04/93	DH11BV	11145102				
22	Nguyễn Thị Khánh	Linh	25/12/93	DH11NY	11141084				
23	Nguyễn Thị Thúy	Linh	10/08/93	DH11VT	11156010				
24	Phạm Hà Kim	Linh	17/06/93	DH11QT	11122081		x		
25	Trần Mạnh	Linh	22/02/93	DH11QT	11122082				
26	Trần Thùy	Linh	29/11/92	DH10TP	10148129				
27	Hà Thị Mỹ	Lộc	10/10/91	CD11CA	11363053		x		
28	Nguyễn Kim	Loan	12/08/92	DH10DD	10148133				
29	Nguyễn Thị Cẩm	Loan	03/03/93	CD11CA	11363061		x		
30	Nguyễn Thị Kim	Loan	25/04/94	DH12KT	12120553		x		
31	Trần Thị Mỹ	Loan	16/09/93	DH11KE	11123123		x		

Danh sách gồm 31 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có EK làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Excel B (EXB)

Ca 07

Phòng máy: PM2

Ngày thi: 28/12/14 Giờ thi: 8h50

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Đình Công	Lợi	20/12/93	DH11CT	11117011		x		
2	Trần Thanh	Long	03/10/93	CD11CS	11336062				
3	Nguyễn Thị	Lưu	13/05/89	LT12KEB	12423080				
4	Nguyễn Văn	Luân	18/04/89	DH10CN	10111053				
5	Bùi Thị Kim	Luận	10/08/91	LT12KEA	12423081				
6	Lương Thị Bích	Ly	15/07/93	DH11TM	11150091		x		
7	Nguyễn Thị Thảo	Ly	11/12/93	DH11QT	11122025				
8	Phạm Thị Mai	Ly	15/04/93	DH11SM	11172017				
9	Phan Thị Thảo	Ly	06/11/93	DH11CT	11117056				
10	Phan Thị	Lý	08/02/93	DH11CT	11117153		x		
11	Huỳnh	Mai	19/09/93	DH11BV	11145111		x		
12	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	17/04/93	DH11CT	11117057		x		
13	Phạm Thị Tuyết	Mai	13/10/93	DH11KE	11123174		x		
14	Nguyễn Thị Huỳnh	Mi	02/07/92	DH10DY	10142086		x		
15	Lê	Minh	10/03/93	DH11BV	11145112		x		
16	Lê	Minh	10/03/93	DH11BV	11145112		x		
17	Trần Phan Quang	Minh	19/09/94	DH12BQ	12125027		x		
18	Võ Thị Ngọc	Mỹ	17/09/93	DH11KT	11120037		x		
19	Nguyễn Thị	Na	19/05/93	DH11KM	11143033		x		
20	Bùi Hải	Đặng	03/04/92	DH10TA	10161019				
21	Hồ Phước	Đại	31/01/93	DH11KM	11143160				
22	Bùi Tấn	Đạt	21/06/93	DH11KN	11155003		x		
23	Lương Tấn	Đạt	10/04/93	DH11KS	11171128				
24	Vũ Thành	Đạt	18/02/92	DH10TY	10112029				
25	Huỳnh Thế	Nam	07/09/92	DH10NH	10113092				
26	Phạm Thị Nguyên	Đang	22/08/92	DH10TP	10125235				
27	Đoàn Vũ Anh	Đài	05/04/93	DH11DL	11157104		x		
28	Hoàng Thị	Nga	02/04/91	DH10PT	10121006				
29	Lê Thị	Nga	25/11/93	CD11CA	11363067				
30	Đặng Thị	Nga	21/01/91	LT12BQ	12425011		x		

Danh sách gồm 30 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có EK làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Excel B (EXB)

Ca 07

Phòng máy: PM3

Ngày thi: 28/12/14

Giờ thi: 8h50

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Nguyễn Thị	Nga	04/01/89	LT12KEB	12423092				
2	Đông Thị	Nga	05/01/93	DH11KE	11123028				
3	Nguyễn Bích	Ngân	07/03/93	DH11KE	11123075				
4	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	02/12/92	DH10SM	10172066		x		
5	Trần Phụng	Ngân	15/07/93	DH11KE	11123129				
6	Võ Ngọc	Ngà	12/02/92	DH10TP	10148156		x		
7	Lương Trọng	Nghĩa	08/10/93	DH11KM	11143073				
8	Huỳnh Tấn	Ngọc	17/01/84	DH10KEGL	10123246				
9	Lê Yến	Ngọc	01/01/94	DH12HH	12139012		x		
10	Nguyễn Thị	Ngọc	06/06/93	DH11VT	11156047		x		
11	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	02/08/88	LT12KEB	12423094				
12	Nguyễn Thị Thúy	Ngọc	03/11/93	DH11DL	11157375				
13	Nguyễn Xuân	Ngọc	23/07/92	DH10SH	10126097				
14	Đỗ Xuân	Ngọc	25/10/90	LT11SH	11426015				
15	Phan Thị Hồng	Ngọc	11/03/92	DH10KEGL	10112297				
16	Thái Như	Ngọc	19/01/93	DH11QT	11122028				
17	Tôn Nữ Diệu	Ngọc	10/09/90	LT12KEB	12423097				
18	Võ Thị Thúy	Ngọc	05/09/91	LT12KEA	12423098				
19	Ka	Ngọt	20/08/93	DH11SH	11126024				
20	Trần Thị ánh	Nguyệt	29/10/93	DH11NH	11113153				
21	Nguyễn Thành	Nhân	12/06/92	DH10NT	10116086				
22	Nguyễn Thị	Nhất	14/01/93	DH11CT	11117155		x		
23	Cao Hoàng Trang	Nhã	17/12/93	DH11TP	11125210				
24	Lê Đức	Nhã	30/12/92	DH10BQ	10125114				
25	Nguyễn Thanh	Nhã	11/09/91	LT12QT	12422027				
26	Nguyễn Thị	Nhã	02/02/92	DH10DY	10142102				
27	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	01/08/93	DH11KM	11143016		x		
28	Hồ Thị Thanh	Nhàn	18/08/93	CD11CS	11336285				
29	Lê Thị Thanh	Nhàn	19/05/92	CD11CA	11363192		x		
30	Trần Thanh	Nhàn	27/04/94	DH12KE	12123155				
31	Lê Thị Yến	Nhi	19/01/93	DH11KE	11123134				

Danh sách gồm 31 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có ~~EX~~ làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Excel B (EXB)

Ca 07

Phòng máy: PM4

Ngày thi: 28/12/14

Giờ thi: 8h50

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Huỳnh Nguyễn Quỳnh	Như	09/12/93	DH11QT	11122139				
2	Trần Quỳnh	Như	28/04/93	DH11NH	11113159		x		
3	Trần Thị Quỳnh	Như	01/06/92	DH11KM	11143251				
4	Võ Thanh	Như	02/04/93	DH11NT	11116113		x		
5	Đặng Hồng	Nhật	19/08/89	DH10KS	10171077				
6	Nguyễn Văn	Nhật	01/01/91	DH11KS	11171108				
7	Phùng Xuân	Nhượng	10/11/91	DH10PT	10121003				
8	Lê Thị Tuyết	Nhung	13/05/92	DH11TM	11150056				
9	Nguyễn Thành	Nhung	21/09/90	LT12QT	12422030				
10	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	03/01/93	DH11VT	11156051		x		
11	Phạm Thị Hồng	Nhung	10/09/89	LT12NT	12416018				
12	Trần Thị	Nhung	05/07/93	DH11KS	11171060				
13	Trần Thị Hồng	Nhung	01/09/90	LT12KEA	12423018				
14	Hoàng Thị	Ni	03/03/93	DH11DD	11148177				
15	Nguyễn Hằng	Ni	/ /92	DH10TP	10125236		x		
16	Trương Công	Niệm	21/05/93	DH11CT	11117073				
17	Nguyễn Ngọc	Điệp	24/09/93	DH11DD	11148089				
18	Nguyễn Thị	Điệp	28/12/92	CD10CA	10363142				
19	Nguyễn Thị	Nơ	15/06/93	DH11DD	11148179				
20	Lê Thị	Nô	16/05/92	CD10CA	10363203				
21	Dương Văn	Định	03/11/90	DH11NH	11113008				
22	Trương Đoàn	Định	19/10/90	DH10DL	10157041				
23	Huỳnh Thị Mỹ	Nường	10/02/93	DH11NH	11113048		x		
24	Văn Công	Đức	24/06/93	DH11KS	11171026				
25	Trần Thị Ngọc	Nuôi	25/05/93	DH11BQ	11125082				
26	Đặng Thị Kiều	Oanh	10/05/88	LT12SH	12426010				
27	Nguyễn Thị Kim	Oanh	24/09/93	DH11DD	11148180				
28	Trần Trí	Ưu	20/10/92	DH10TY	10112233				
29	Phạm Hữu	Phần	24/06/86	DH10PT	10121008				
30	Trần Minh	Pháp	10/05/90	LT12SH	12426011		x		
31	Huỳnh Nữ Hồng	Phát	26/11/92	CD10CS	10336046				

Danh sách gồm 31 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có EK làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Excel B (EXB)

Ca 08

Phòng máy: PM1

Ngày thi: 28/12/14

Giờ thi: 10h20

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Bùi Văn	Phố	30/12/93	DH11NT	11116114				
2	Mai Thanh	Phong	07/04/92	DH10NY	10141009		x		
3	Lê Thị Hoa	Phượng	17/05/91	LT12KEB	12423117				
4	Nguyễn Thị Kim	Phượng	10/05/91	LT13KE	13123125				
5	Trương Thị Hoa	Phượng	19/05/90	DH08KM	08143056		x		
6	Nguyễn Thị	Phồng	10/11/85	LT12KEA	12423121				
7	Hà Thị	Phượng	26/09/93	CD11CS	11336244				
8	Hồ Trúc	Phượng	14/05/92	CD11CA	11363095				
9	Hoàng Thị	Phượng	01/08/91	LT13KE	13123119				
10	Huỳnh Bích	Phượng	27/08/92	DH10DD	10148189				
11	Lê Thu	Phượng	09/10/91	DH11DD	11148189		x		
12	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	16/09/92	DH10KN	10155024				
13	Phạm Thị	Phượng	04/10/92	DH11KE	11123037		x		
14	Trần Thị Mỹ	Phượng	02/10/92	DH10QT	10122128				
15	Trần Thị Thanh	Phượng	22/07/94	DH12KT	12120117		x		
16	Lê Thị Hồng	Phước	21/04/93	DH11DD	11148191		x		
17	Nguyễn Văn	Phước	01/09/91	DH10HH	10139179				
18	Phạm Hữu	Phước	06/08/92	DH10TY	10112140				
19	Nguyễn Thị Kim	Phụng	25/04/94	DH12KT	12120559		x		
20	Lê Hồng	Phú	24/03/92	DH10NHGL	10113248				
21	Dương Thị	Phúc	10/08/91	DH10TM	10150064				
22	Phan Minh	Phúc	09/12/92	DH10TY	10112134				
23	Ngô Minh	Quân	21/10/92	DH10DL	10157153				
24	Lê Hữu	Quang	06/10/87	LT10BQ	10425040				
25	Nguyễn Sỹ	Quang	26/01/93	DH11BQ	11125087				
26	Nguyễn Thanh	Quang	29/10/92	DH10TY	10112144				
27	Nguyễn Thị Xuyên	Quy	11/12/94	DH12KT	12120294		x		
28	Lê Thị	Quyên	28/06/93	DH11KM	11143167				
29	Nguyễn Thị	Quyên	15/05/89	LT12KEB	12423128				
30	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	/ /93	CD11CA	11363147				
31	Trần Thị Tú	Quyên	15/09/91	DH10DY	10142125				

Danh sách gồm 31 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có EK làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Excel B (EXB)

Ca 08

Phòng máy: PM2

Ngày thi: 28/12/14

Giờ thi: 10h20

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Lê Thị	Quỳnh	08/10/93	DH11DD	11148199				
2	Đỗ Hương	Quỳnh	20/10/90	LT12KEB	12423125				
3	Phạm Minh	Quỳnh	27/11/91	LT13NT	13116174		x		
4	Chau Chanh	Ra	20/05/88	DH10BV	10145031				
5	Nguyễn Thị	Sâm	01/10/93	DH11VT	11156057				
6	Nguyễn Thị	Sâm	12/02/92	DH11KM	11143089				
7	Hồ Thị	Sang	20/12/92	DH10DY	10142127		x		
8	Hồ Viết	Sang	27/03/93	DH11CN	11111120		x		
9	Nguyễn Đình	Sang	01/11/88	LT12QT	12422038				
10	Nguyễn Thanh	Sang	10/10/92	DH10CT	10117163				
11	Lê Ngọc	Sơn	09/10/92	DH11KM	11143189				
12	Lê Ngọc Minh	Sơn	29/03/79	LT12QT	12422037				
13	Đoàn Hoàn	Sơn	09/05/92	DH10TA	10161096				
14	Trương Hoàng	Sơn	19/01/89	LT13KE	13123132				
15	Lương Thị Ngọc	Sương	11/05/93	DH12KM	12120485				
16	Nguyễn Thanh	Sương	06/03/92	DH10NT	10116106				
17	Nguyễn Thị	Tâm	20/07/89	LT12SH	12426016				
18	Nguyễn Thị Minh	Tâm	12/09/93	DH11KM	11143090		x		
19	Trần Thị	Tâm	02/07/94	CD12CA	12363340		x		
20	Trần Thị Minh	Tâm	09/04/93	DH11QT	11122052				
21	Trần Văn	Tâm	06/01/92	DH10NHGL	10113240				
22	Nguyễn Thị	Tầm	20/04/93	DH11QL	11124045		x		
23	Huỳnh Văn	Tài	10/11/93	DH11DL	11157268		x		
24	Nguyễn Thị Ngọc	Thắm	11/08/93	DH11KT	11120042		x		
25	Nguyễn Thị Thu	Thân	20/11/92	DH10DL	10157175				
26	Phùng Thị	Thị	10/06/92	DH10HH	10139219				
27	Đỗ Thị	Thắm	22/08/93	DH11CT	11117092		x		
28	Phan Thị	Thắm	21/08/93	DH11KN	11155045				
29	Phan Thị Minh	Thắm	27/07/87	LT12KEA	12423141				
30	Trần Thị Ngọc	Thắm	16/04/92	DH11NH	11113033				
31	Vũ Thị Mộng	Thắm	12/03/93	DH11CT	11117136		x		

Danh sách gồm 31 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có ~~EX~~ làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Excel B (EXB)

Ca 08

Phòng máy: PM3

Ngày thi: 28/12/14

Giờ thi: 10h20

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Nguyễn Hoàng	Thanh	11/04/93	CD11CA	11363082				
2	Nguyễn Thị Kim	Thanh	19/07/85	LT12KEB	12423146				
3	Nguyễn Thị	Thành	06/04/93	DH11KM	11143092				
4	Nguyễn Trung	Thành	25/11/91	LT13KE	13123137				
5	Phạm Hồng	Thái	13/09/93	CD11CS	11336036				
6	Lê Bá	Thánh	20/10/93	DH11NT	11116077		x		
7	Đặng Bé	Thánh	04/02/92	DH11DD	11148286		x		
8	Đỗ Thị	Thánh	11/08/93	DH11VT	11156114				
9	Chu Thị Thanh	Thảo	22/06/92	DH11DD	11148207				
10	Hoàng Mai Phương	Thảo	01/08/87	LT12KEB	12423138				
11	Lê Thị Thu	Thảo	30/11/93	DH11NH	11113032		x		
12	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	31/08/93	DH11QT	11122109				
13	Nguyễn Ngọc Phúc	Thảo	10/12/89	LT12QT	12422042				
14	Nguyễn Thị	Thảo	26/07/93	DH11KM	11143021				
15	Nguyễn Thị	Thảo	05/06/93	DH11KT	11120119				
16	Phạm Ngọc Xuân	Thảo	30/12/91	DH10TY	10112169				
17	Phạm Thị	Thảo	22/07/91	LT12KEB	12423140				
18	Phạm Thị Phương	Thảo	08/08/93	DH11KM	11143094				
19	Phạm Thị Thanh	Thảo	26/10/92	CD10CA	10363098				
20	Phạm Thu	Thảo	15/05/90	LT13KE	13123142				
21	Trần Lê Phương	Thảo	17/01/93	DH11KM	11143022				
22	Trần Ngọc Phương	Thảo	13/12/93	DH11KM	11143095				
23	Trương Thị	Thảo	05/12/93	DH11CT	11117091		x		
24	Vũ Thị Thanh	Thảo	29/05/93	DH11DL	11157283		x		
25	Hoàng Văn	Thế	27/07/93	DH11BQ	11125094				
26	Lê Thị Bích	Thị	19/02/92	DH10KM	10143070				
27	Trịnhthị Kiều	Thị	20/04/93	DH11QT	11122113		x		
28	Hoàng Thị	Thiên	15/08/89	LT12QT	12422044				
29	Hồ Thị	Thơ	12/01/93	DH11KE	11123150				
30	Nguyễn Thị Anh	Thư	11/07/93	DH11DD	11148229				
31	Nguyễn Thị Phương	Thư	18/11/93	DH11VT	11156067		x		

Danh sách gồm 31 thí sinh.

(Ghi chú: cột CC=x: có EK làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt:

CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Excel B (EXB)

Ca 08

Phòng máy: PM4

Ngày thi: 28/12/14

Giờ thi: 10h20

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Từ Võ Kim	Thư	10/09/93	DH11NY	11141131				
2	Trần Thị Anh	Thư	24/10/93	DH11VT	11156068				
3	Trần Thị Lệ	Thoa	09/04/91	LT13KE	13123147				
4	Võ Thị	Thoại	15/02/93	DH11KE	11123046				
5	Đoàn Ngọc	Thọ	17/02/90	LT12NT	12416031				
6	Đỗ Thị	Thơm	01/07/93	DH11NH	11113288				
7	Bùi Ngọc	Thịnh	01/10/91	DH10NH	10113146				
8	Đinh Như	Thịnh	12/07/88	LT12KEA	12423151				
9	Phan Quốc	Thịnh	06/05/93	DH11NT	11116081				
10	Trần Thị	Thịnh	10/09/93	DH11KM	11143201				
11	Lâm Văn	Thời	28/02/93	DH11NH	11113035				
12	Lê Thị Mỹ	Thương	14/06/93	DH11DD	11148340				
13	Lê Thị Thương	Thương	06/08/93	DH11KE	11123048		x		
14	Cáp Thị Lệ	Thu	02/03/93	DH11CT	11117096		x		
15	Ngũ Nữ Yến	Thu	06/06/91	DH11KT	11120016				
16	Nguyễn Ngọc Diễm	Thu	03/01/93	DH11KE	11123152		x		
17	Nguyễn Minh	Thuận	20/08/93	DH11CT	11117098				
18	Nguyễn Văn	Thuận	20/06/92	DH10TY	10112185				
19	Phạm Đoan	Thụy	27/05/93	DH11KE	11123157				
20	Lê Thị	Thùy	01/06/94	CD12CA	12363173				
21	Nguyễn Lý Kim	Thùy	03/12/92	LT13KE	13123154				
22	Trần Thị	Thùy	19/07/92	DH10TY	10112188				
23	Lê Thị	Thúy	23/03/93	DH11KS	11171082		x		
24	Lê Thị Thu	Thúy	06/04/93	DH11TC	11164043				
25	Nguyễn Thị Vũ	Thúy	15/03/93	DH11NH	11113205				
26	Ninh Phương	Thúy	06/02/93	DH11VT	11156066				
27	Nguyễn Thị Kim	Thủy	13/10/93	DH11KE	11123155		x		
28	Trần Thị Thu	Thủy	26/10/93	DH11DD	11148287				
29	Thái Thị	Thuyền	01/12/92	DH11BQ	11125166		x		
30	Huỳnh Ngọc Mai	Thy	25/06/93	DH11KT	11120047		x		
31	Bùi Minh	Tiến	17/07/93	DH11KE	11123158				

Danh sách gồm 31 thí sinh.

(Ghi chú: 'cột CC=x: có EK làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt:

CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Excel B (EXB)

Ca 09

Phòng máy: PM1

Ngày thi: 28/12/14

Giờ thi: 13h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Mai Thanh	Tiến	28/10/90	DH11NT	11116004		x		
2	Thái Xuân	Tiến	08/10/92	DH10TY	10112200				
3	Trần Hoàng	Tiến	31/07/94	DH12KE	12123186		x		
4	Võ Thị Lợi	Tiến	17/03/93	DH11KN	11155016		x		
5	Phạm Thủy	Tiên	25/04/92	DH10KM	10143082		x		
6	Trần Ngọc Giáng	Tiên	16/07/92	DH10SM	10172058				
7	Nguyễn Thị Ngọc	Tiếp	10/09/93	CD11CS	11336189				
8	Huỳnh Thị	Tin	20/08/93	CD11CS	11336190				
9	Nguyễn Thị	Tĩnh	16/11/93	DH11QT	11122144				
10	Nguyễn	Tư	20/02/92	DH10DL	10157227				
11	Phạm Đình	Toàn	17/03/92	DH10KEGL	10123252				
12	Nguyễn Hữu	Tường	14/04/92	DH10NHGL	10113216				
13	Lê Thị Ngọc	Trâm	01/01/93	CD11CS	11336021				
14	Phạm Thị Bích	Trâm	17/07/93	DH11KT	11120123				
15	Trần Thị Ngọc	Trâm	22/12/92	DH11DL	11157328				
16	Lê Thị Quỳnh	Trân	31/05/90	LT12KEB	12423158				
17	Nguyễn Hồ Huyền	Trân	11/02/92	DH10SM	10172064				
18	Nguyễn Thị Bích	Trân	25/10/93	DH11KE	11123051		x		
19	Phan Thị Thanh	Trân	15/10/88	LT12KEA	12423132				
20	Hồ Thị	Trang	14/11/93	DH11DD	11148028		x		
21	Huỳnh Nguyễn Thảo	Trang	07/09/92	DH10TP	10148265				
22	Ngô Thị Minh	Trang	25/01/92	DH10TP	10139245				
23	Nguyễn Huyền	Trang	26/05/93	DH11KM	11143108				
24	Nguyễn Lê Minh	Trang	25/11/92	DH10TP	10148267				
25	Nguyễn Mai Thùy	Trang	04/08/89	LT12KEB	12423159				
26	Nguyễn Thái Hồng	Trang	17/08/93	DH11KM	11143109				
27	Nguyễn Thị	Trang	24/01/93	DH11DD	11148239		x		
28	Nguyễn Thị	Trang	20/02/93	DH11KM	11143110		x		
29	Nguyễn Thị Đài	Trang	12/01/92	DH10BQ	10125170				
30	Nguyễn Thị Thu	Trang	13/04/93	DH11KS	11171005		x		
31	Nguyễn Thị Thu	Trang	13/09/92	DH10DY	10142218				

Danh sách gồm 31 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có EK làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Excel B (EXB)

Ca 09

Phòng máy: PM2

Ngày thi: 28/12/14

Giờ thi: 13h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Đoàn Khang	Trang	25/04/93	DH11KS	11171088		x		
2	Tạ Thị Huyền	Trang	19/11/92	CD11CA	11363221				
3	Trần Thị Thu	Trang	06/07/93	DH11KM	11143112				
4	Trương Diễm	Trang	22/03/92	DH11KM	11143132		x		
5	Lê Quang	Trí	18/08/93	DH11SH	11126043				
6	Nguyễn Thị Tuyết	Trình	02/02/91	LT12KEB	12423168				
7	Nguyễn Thị Tuyết	Trình	17/04/94	DH12QT	12122292		x		
8	Phan Thị Mỹ	Trình	20/01/90	LT12QT	12422050				
9	Trần Thị Bảo	Trình	30/03/93	DH11NH	11113216				
10	Đào Văn	Trọng	27/07/92	DH11NH	11113221				
11	Lê Nam	Trung	28/01/92	DH10CN	10111040				
12	Nguyễn Bảo	Trung	08/05/93	DH11TM	11150078		x		
13	Nguyễn Chí	Trung	05/12/88	LT10BQ	10425057				
14	Nguyễn Thành	Trung	18/02/93	DH11NH	11113224		x		
15	Đình Phú	Trung	14/04/91	LT12SH	12426022				
16	Nguyễn Thanh	Trúc	13/09/92	DH11NY	11141001		x		
17	Lê	Tuấn	22/10/93	DH11BV	11145189				
18	Bùi Kim	Tùng	15/08/93	DH11QT	11122122		x		
19	Mai Anh	Tùng	08/04/92	DH10NHGL	10113253				
20	Đào Duy	Tùng	09/03/93	DH11HH	11139138		x		
21	Nguyễn Thanh	Tùng	03/02/93	DH11TA	11161118				
22	Phạm Thanh	Tùng	05/02/92	DH10TP	10116155				
23	Lê Thị	Tú	08/06/93	DH11QT	11122123				
24	Lê Thị Cẩm	Tú	19/04/93	DH11KS	11171116		x		
25	Đỗ Thị Mỹ	Tú	12/04/93	DH11VT	11156014		x		
26	Trần Thị Cẩm	Tú	20/12/95	DH13TC	13122441				
27	Võ Thị Cẩm	Tú	06/01/93	CD11CA	11363209				
28	Tô Thị Kim	Tuyến	09/08/92	DH10QT	10122185				
29	Võ Văn	Tuyến	26/06/93	DH11NH	11113040				
30	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	28/04/93	DH11KM	11143144				
31	Nguyễn Thị Thanh	Tuyến	01/04/93	DH11DD	11148256				

Danh sách gồm 31 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có ~~EX~~ làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Excel B (EXB)

Ca 09

Phòng máy: PM3

Ngày thi: 28/12/14

Giờ thi: 13h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	01/01/94	DH12HH	12139132		x		
2	Đỗ Thanh	Tuyền	08/01/93	DH11DD	11148255		x		
3	Trần Thị Thanh	Tuyền	10/10/93	DH11SM	11172196				
4	Huỳnh Cao	Tuyền	15/09/91	DH10QT	10122183				
5	Hồ Mỹ	Tuyệt	17/02/93	DH11DL	11157349		x		
6	Trần ánh	Tuyệt	19/08/92	DH10KEGL	10123283				
7	Nguyễn Thị Trúc	Ty	08/12/93	DH11NT	11116052		x		
8	Hồ Thị Tuyết	Vân	16/05/93	DH11QT	11122125				
9	Nguyễn Thị	Vân	02/09/92	DH11DD	11148350				
10	Nguyễn Thị Lệ	Vân	19/12/84	LT12KEA	12423172				
11	Trần Thanh	Vân	14/12/93	DH11KE	11123057				
12	Nguyễn Thị Tường	Vi	/ /93	DH11SH	11126264		x		
13	Trương Thị	Việt	12/01/93	DH11SH	11126338				
14	Phạm Thị	Vóc	10/09/93	DH11KM	11143118		x		
15	Cao Tấn	Vũ	12/10/91	DH10NHGL	10149279				
16	Nguyễn Hoàn	Vũ	10/07/94	DH12DD	12125516				
17	Nguyễn Thanh	Vũ	11/12/93	DH11NH	11113246				
18	Nguyễn Thanh	Vũ	/ /93	CD11CS	11336216		x		
19	Nguyễn Mỹ	Xuân	24/05/93	DH11DD	11148279				
20	Võ Thị Trường	Xuân	31/10/93	DH11KE	11123062				
21	Nam Thị Hoàng	Yến	03/01/90	LT12QT	12422051				
22	Nguyễn Hải	Yến	23/04/93	DH11BV	11145206				
23	Nguyễn Hồng	Yến	22/11/93	DH11NY	11141002		x		
24	Nguyễn Thị Thu	Yến	20/01/93	DH11BQ	11125133		x		
25	Đinh Thị Ngọc	Yến	05/10/93	DH11BQ	11125131				
26	Phan Thị	Yến	13/08/93	DH11DD	11148048		x		
27	Phan Thị	Yến	20/12/93	DH11KM	11143120				
28	Võ Thị Bích	Yến	18/08/93	DH11DD	11148289				
29	Nguyễn Thị Xuân	Yên	28/08/93	DH11TP	11125218				

Danh sách gồm 29 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có ~~ĐK~~ làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: MAPINFO (MAP)

Ca 09

Phòng máy: PM4

Ngày thi: 28/12/14 Giờ thi: 13h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Đỗ Minh	Cảnh	06/09/90	DH10GI	10162011				
2	Nguyễn Đắc	Kha	27/11/92	DH10GE	10173018				
3	Trần Thị Kim	Liên	20/06/92	DH10GE	10173007				
4	Lại Thị	Ngân	20/10/91	DH10GE	10173048				
5	Trần Phạm Uyên	Phượng	15/01/92	DH10GE	10173030				
6	Dương Đặng Minh	Phước	07/08/92	DH10GE	10173025				
7	Thái Nguyễn Ngọc	Thanh	15/12/90	DH10GE	10173019				
8	Trần Thị Thi	Thi	20/01/91	DH10GI	10162007				
9	Ngô Thị Ngọc	Tuyền	25/06/92	DH10GE	10173036				

Danh sách gồm 9 thí sinh.

(Ghi chú: 'cột CC=x: có ~~ĐK~~ làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt:

CB coi thi 1:

TRUNG TÂM TIN HỌC

CB coi thi 2:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Tin học VP (THVP)

Ca 01

Phòng máy: PM1

Ngày thi: 27/12/14 Giờ thi: 7h00

STT	HỌ VÀ TÊN	N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Nguyễn Phan Hoàng Ân	18/03/93	DH11TP	11125200				
2	Nguyễn Thiên Ân	14/09/93	DH11KE	11123003				
3	Huỳnh Nhất Anh	07/12/93	DH11KM	11143001				
4	Lê Huỳnh Đức Anh	17/04/92	DH10QL	10124004				
5	Nguyễn Hoàng Anh	15/01/93	CD11CQ	11333167				
6	Đỗ Ngọc Kim Anh	20/02/92	DH10KE	10123257				
7	Đỗ Quỳnh Anh	24/05/93	DH11KM	11143147				
8	Trần Văn Anh	01/05/93	DH12KM	12120365				
9	Võ Thị Ngọc Anh	06/12/93	DH11QT	11122055				
10	Vũ Thị Hồng Anh	03/03/93	DH11VT	11156021				
11	Trương Quang ái	18/10/93	DH11NH	11113257				
12	Nguyễn Thị Bé	19/02/94	DH12BQ	12125003				
13	Lê Thị Bích	12/06/93	DH11SH	11126073				
14	Lâm Huy Bình	29/03/93	DH11QM	11149096				
15	Nguyễn Lê Thái Bình	07/08/93	DH11QM	11149098				
16	Nguyễn Lưu Bình	25/11/94	DH12KT	12120047				
17	Nguyễn Thanh Bình	01/11/94	DH12KS	12116002				
18	Nguyễn Thanh Bình	05/09/93	CD11CI	11344055				
19	Trần Thị Như Bình	28/12/93	DH11DD	11148002				
20	Nguyễn Văn Ca	20/07/92	DH10OT	10154066				
21	Võ Thị Sơn Ca	20/02/94	DH12KE	12123074				
22	Lê Thị Hồng Cẩm	21/01/93	DH11DD	11148063				
23	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm	10/10/93	DH12KE	12123101				
24	Lương Gia Cẩn	27/09/92	DH10QMGL	10112304				
25	Nguyễn Phúc Cảnh	12/06/92	DH11KN	11155011				
26	Cao Thị Châm	27/04/93	DH11SM	11172039				
27	Trần Thị Châm	03/10/90	LT12KEB	12423013				
28	Bùi Kim Chấn	19/05/93	DH11QM	11149461				
29	Huỳnh Thị Kim Châu	16/04/94	DH12BQ	12125402				
30	Chung Thị Thảo Chi	05/09/94	DH12KN	12155035				
31	Lưu Kim Chi	08/02/94	DH12KE	12123009				

Danh sách gồm 31 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có ~~ĐK~~ làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Tin học VP (THVP)

Ca 01

Phòng máy: PM2

Ngày thi: 27/12/14 Giờ thi: 7h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Mai Thị	Chi	16/03/92	DH11KS	11171001				
2	Phạm Thị Kim	Chi	05/12/93	DH11QM	11149106				
3	Văn Thị Thái	Chi	04/07/93	DH11KM	11143039				
4	Vũ Nguyễn Lệ	Chi	22/10/93	DH11QM	11149108				
5	Nguyễn Hoàng	Chường	31/08/92	DH10TP	10125212				
6	Võ Đình	Chường	20/02/93	DH11DD	11148293				
7	Lê Ngọc Hoài	Chung	16/08/89	LT12QT	12422006				
8	Cao Thị Minh	Chúc	28/04/93	DH11KM	11143149				
9	Ngô Thị	Chuyên	25/09/93	DH11QT	11122059				
10	Hồ Văn	Công	11/08/92	DH11TA	11161016				
11	Lê Bá	Công	26/08/95	DH13TD	13138031				
12	Dương Biên	Cường	24/07/91	DH10QL	10124020				
13	Bùi Minh	Cường	10/03/93	DH11BQ	11125033				
14	Dương Hữu	Cường	21/07/93	DH11BV	11145241				
15	Dương Thị	Cường	20/07/93	DH11CT	11117144				
16	Đồng Quang	Cường	28/04/93	DH11BV	11145242				
17	Trần Phú	Cường	08/02/93	DH11NY	11141129				
18	Trần Văn	Cường	10/01/94	DH12NH	12113106				
19	Trương Thị	Cường	23/06/93	DH11KS	11171123		x		
20	Lê Công	Danh	17/04/92	DH10DC	10151003				
21	Lê Dương	Den	01/03/94	DH12KN	12155030				
22	Huỳnh Thúy	Diễm	21/07/93	CD11CA	11363164				
23	Trà Ngô Xuân	Diệu	27/08/92	DH10MT	10127021				
24	Nguyễn Tấn	Doãn	08/10/93	DH11TA	11161087				
25	Liễu Thụy Thùy	Dương	24/02/94	DH12DD	12125405				
26	Nguyễn Huỳnh Nhật	Dương	28/10/93	DH11NH	11113084				
27	Nguyễn Thị Thùy	Dương	14/08/93	DH11KM	11143044				
28	Trần Thị Thùy	Dương	10/08/92	DH10DC	10151006				
29	Nguyễn Thị Hồng	Du	15/12/93	DH11DD	11148005				
30	Cao Thị Thùy	Dung	26/10/93	DH11VT	11156026				
31	Mai Thị Thuỳ	Dung	08/12/94	DH12HH	12139034				

Danh sách gồm 31 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có ~~EK~~ làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Tin học VP (THVP)

Ca 01

Phòng máy: PM3

Ngày thi: 27/12/14 Giờ thi: 7h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Đặng Thị Thanh	Dung	29/04/93	DH11BQ	11125021				
2	Nguyễn Thị Thu	Dung	17/09/94	DH12KT	12120053				
3	Lê Tiến	Dũng	26/09/93	DH11MT	11127070				
4	Nguyễn Duy Anh	Dũng	16/10/93	DH11MT	11127072				
5	Nguyễn Tiến	Dũng	04/10/91	DH10TY	10112023				
6	Trương Văn	Dũng	30/08/93	CD11CS	11336090				
7	Lê Hoàng	Duy	05/02/86	LT10QL	10424012				
8	Vũ Văn	Duy	25/05/92	DH11NY	11141007				
9	Kiều Nguyễn Kỳ	Duyên	04/10/93	DH11QL	11124072				
10	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	11/12/94	DH12BQ	12125437				
11	Đoàn Thị Mỹ	Duyên	25/05/92	DH11KE	11123212				
12	Phan Thị	Duyên	13/07/93	DH11CN	11111061				
13	Tô Kim	Duyên	29/03/92	DH10QT	10122034				
14	Nguyễn Thị Nhung	Em	15/09/93	DH11TA	11161003				
15	Võ Văn	Gác	04/04/94	DH12BV	12145108				
16	Hoàng Thanh	Giang	1983				x		
17	Lê Hương	Giang	16/08/93	DH11NY	11141033				
18	Lê Trường	Giang	24/10/93	DH11NH	11113009				
19	Nguyễn ánh	Giàu	24/03/94	CD13CQ	13333118		x		
20	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	17/04/95	DH13PT	13121038				
21	Hoàng Thị Kim	Giác	10/12/94	DH12KE	12123114				
22	Nguyễn Thành	Hân	24/06/93	DH11DL	11157398				
23	Phan Thị Thu	Hân	02/08/93	DH11KE	11123173				
24	Võ Thị Tuyết	Hân	05/06/94	DH12QM	12149209		x		
25	Cao Thị Hoa	Hậu	20/01/92	DH10SK	10158011		x		
26	Lê Công	Hậu	12/08/93	DH12KN	12155034				
27	Lê Công	Hậu	05/08/93	DH11DD	11148107				
28	Đặng Thị	Hậu	12/06/93	DH11QM	11149474				
29	Nguyễn Phước	Hậu	30/01/93	DH11BV	11145212				
30	Dương Thị	Hằng	20/01/94	CD12CA	12363328				
31	Nguyễn Thị Kim	Hằng	07/11/93	DH11AV	11128031				

Danh sách gồm 31 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có ~~ĐK~~ làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Tin học VP (THVP)

Ca 01

Phòng máy: PM4

Ngày thi: 27/12/14 Giờ thi: 7h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Phượng	Hằng	20/05/94	DH12NH	12113076				
2	Nguyễn Thị Thu	Hằng	09/01/94	DH12SH	12126340				
3	Huỳnh Thị Bích	Hạnh	26/08/93	DH11SK	11158051				
4	Huỳnh Thị Mỹ	Hạnh	27/08/93	CD11CA	11363181				
5	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	13/04/93	DH11DD	11148103				
6	Tạ Ngọc	Hạnh	28/12/93	DH11KE	11123100				
7	Hồ Thị Thu	Hà	10/05/92	DH11CT	11117146				
8	Huỳnh Như	Hà	02/08/93	DH11HH	11139153				
9	Nguyễn Huỳnh Trúc	Hà	30/09/94	DH12KE	12123116				
10	Nguyễn Thị Thu	Hà	06/04/93	DH11TP	11148099				
11	Tạ Thị	Hà	15/02/93	CD11CQ	11333038				
12	Trương Hồng	Hà	01/05/93	DH11TA	11161027				
13	Lê Hồng	Hải	16/11/92	DH11NH	11113267				
14	Nguyễn Đình	Hải	10/08/91	DH10QMGL	10112299				
15	Tôn Anh	Hải	01/08/96	DH14KN	14155011				
16	Lê Ngọc	Hiền	01/06/93	CD11CQ	11333050				
17	Lê Xuân	Hiền	08/01/93	DH11CN	11111075				
18	Nguyễn Lệ Minh	Hiền	05/05/93	DH11QM	11149173				
19	Nguyễn Mỹ	Hiền	10/08/93	DH11MT	11127267				
20	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	26/01/94	DH12KE	12123122				
21	Nguyễn Thị Thu	Hiền	29/09/84	LT12KEB	12423050				
22	Nguyễn Thị Thu	Hiền	01/01/92	DH11KT	11120031				
23	Đỗ Thị	Hiền	15/11/92	CD11CQ	11333075				
24	Trần Mỹ	Hiền	24/03/94	DH12KM	12120069				
25	Phạm Văn	Hiệp	17/03/90	DH10OT	10154013				
26	Trần Ngọc	Hiệp	26/12/92	DH11KM	11143031				
27	Nguyễn Thị	Hoa	10/07/94	DH12TM	12122104				
28	Nguyễn Thị	Hoa	15/03/92	CD11CI	11344021				
29	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	27/04/93	CD11CS	11336232				
30	Phùng Thị Tuyết	Hoa	10/06/94	DH12QT	12122020				
31	Trương Thị	Hội	22/07/92	DH11DL	11157452				

Danh sách gồm 31 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có ~~ĐK~~ làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Tin học VP (THVP)

Ca 02

Phòng máy: PM1

Ngày thi: 27/12/14

Giờ thi: 9h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Nguyễn Thị	Hồng	15/09/94	DH12KN	12155134				
2	Nguyễn Thúy	Hồng	29/03/93	DH11KT	11121002				
3	Thị	Hồng	01/04/90	DH10BV	10145189				
4	Nguyễn Thị	Hoài	24/04/93	DH11QT	11122072				
5	Nguyễn Duy	Hoàng	07/04/92	DH10TP	10112055		x		
6	Tăng Mỹ	Hoàng	19/12/93	DH11DC	11151079				
7	Tô Hồng	Hoàng	14/08/93	DH11CN	11111023				
8	Trần Ngọc Tuyên	Hoàng	04/01/93	DH12VT	12125172				
9	Lê Xuân	Hợp	10/12/93	DH11QM	11149192				
10	Nguyễn Thành	Hơn	24/10/93	DH11BV	11145213				
11	Nguyễn Thịnh	Hưng	16/04/92	DH10QT	10122071				
12	Võ Thị	Hòa	26/05/94	DH12QD	12124030				
13	Hà Thị Thu	Hương	20/08/93	DH11DD	11148307				
14	Lê Thị Thanh	Hương	08/04/91	DH10QMGL	10149265				
15	Trần Thị	Hương	02/09/93	DH11DD	11148125				
16	Trần Xuân	Hương	08/04/92	DH11MT	11127111		x		
17	Vũ Thị Lan	Hương	18/07/93	CD12CA	12363072				
18	Nguyễn Thị	Hương	16/08/91	DH11GN	11169016		x		
19	Phạm Thị Thu	Hương	10/02/92	DH11DL	11157159				
20	Võ Thị Kim	Hương	30/09/90	LT12QL	12424025				
21	Lê Thị	Huệ	02/09/94	CD12CQ	12333051				
22	Nguyễn Thị	Huệ	06/02/93	DH11TP	11148009				
23	Vũ Thị	Huệ	29/12/92	DH10TY	10112061				
24	Hồ Xuân	Hùng	30/10/92	DH10OT	10154015				
25	Nguyễn Việt	Hùng	24/10/93	DH11CD	11153024				
26	Nguyễn Việt	Hùng	25/05/93	DH11KT	11120084				
27	Bùi Huỳnh	Huy	27/12/93	DH11TA	11161035				
28	Huỳnh Thị Quang	Huy	02/06/87	LT12KEB	12423068				
29	Lê Nam	Huy	02/01/92	DH10TY	10112062				
30	Nguyễn Thị	Huyền	16/08/94	DH12NT	12116346				
31	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	09/03/93	DH11QM	11149480				

Danh sách gồm 31 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có EK làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Tin học VP (THVP)

Ca 02

Phòng máy: PM2

Ngày thi: 27/12/14 Giờ thi: 9h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Trần Hồng Phương	Khanh	14/04/92	DH10TP	10125246				
2	Nguyễn Bá	Khải	20/07/93	DH11QM	11149482				
3	Cao Thụy Phương	Khánh	04/08/93	DH11HH	11139070				
4	La Đình	Khánh	03/08/91	DH10TD	10138040				
5	Đào Đình	Khánh	28/03/93	DH11DL	11157162				
6	Trần Đăng	Khoa	11/04/92	DH10OT	10154017				
7	Huỳnh Thị	Kiều	04/01/93	DH11DL	11157167				
8	Nguyễn Thị Thu	Kiều	16/06/94	DH12QT	12122156				
9	Trương Thị	Kiều	10/07/93	DH12NT	12116241				
10	Võ Thị Mỹ	Kiều	26/01/92	DH11TC	11159006				
11	Phạm Việt	Kim	02/09/94	DH12HH	12139064				
12	Võ Thị	Kính	11/10/93	DH11VT	11156038				
13	Đoàn Thị Kỳ	Kỳ	30/10/93	DH11KT	11120034				
14	Nguyễn Thị Ngọc	La	05/08/94	DH12KM	12120082				
15	Đặng Thị Thanh	Lam	10/10/94	CD12CA	12363082				
16	Bàn Thị	Lan	03/02/93	DH11BQ	11125066				
17	Huỳnh Thị Hoàng	Lan	03/02/92	DH11KM	11143067				
18	Ngô Thị Hoàng	Lan	04/01/93	DH11CH	11131031				
19	Đỗ Thị	Lan	17/10/93	DH11DL	11157406				
20	Trần Thị Tuyết	Lan	10/11/94	DH12QT	12122158				
21	Trần Thị Hoài Than	Lanh	20/02/93	CD11CA	11363050				
22	Phan Văn	Lăng	02/10/91	DH10DC	10151014				
23	Hồ Thị	Lãnh	15/12/94	DH12KE	12123132				
24	Huỳnh Huỳnh	Lê	29/04/94	DH12NH	12113167				
25	Nguyễn Thị	Lê	11/03/93	CD11CA	11363188				
26	Nguyễn Thị	Lê	20/05/93	DH11KS	11171135				
27	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	10/04/93	DH11VT	11156104				
28	Nguyễn Thị	Liêm	29/09/94	DH12SH	12126176				
29	Hoàng Thị	Liên	27/05/96	DH14CN	14111095				
30	Hoàng Việt	Liên	23/01/94	DH12KE	12123134				
31	Nguyễn Thị ái	Liên	07/06/92	DH11VT	11156039				

Danh sách gồm 31 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có EK làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Tin học VP (THVP)

Ca 02

Phòng máy: PM3

Ngày thi: 27/12/14 Giờ thi: 9h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Phạm Thị	Liên	06/11/92	DH11DL	11157175				
2	Hoàng Thị	Liễu	19/07/92	CD10CS	10336029				
3	Hà Tuấn	Linh	11/08/91	DH10GN	10169007				
4	Huỳnh Thị Khánh	Linh	24/01/94	DH12KE	12123136				
5	Lê Bội	Linh	10/03/93	DH11MT	11127123				
6	Lê Thị Phượng	Linh	17/11/92	DH10TP	10125211		x		
7	Mai Khánh	Linh	23/04/93	DH11BV	11145102				
8	Nguyễn Hoàng Diễm	Linh	18/04/93	DH11DL	11157020				
9	Nguyễn Thị Khánh	Linh	25/12/93	DH11NY	11141084				
10	Nguyễn Thị Phượng	Linh	29/06/94	DH12QD	12124206				
11	Nguyễn Thị Phượng	Linh	10/11/94	DH12KE	12123137				
12	Phạm Mỹ	Linh	10/07/93	DH11TC	11164021				
13	Trần Mạnh	Linh	22/02/93	DH11QT	11122082				
14	Trần Thùy	Linh	29/11/92	DH10TP	10148129				
15	Trịnh Thị ái	Linh	21/11/93	DH11DL	11157181				
16	Vũ Thị Hồng	Linh	16/08/94	CD12CA	12363177				
17	Nguyễn Huỳnh Đại	Lộc	23/07/93	DH11SM	11172112				
18	Đoàn Phú	Lộc	01/10/93	DH11QM	11149227				
19	Lê Kiều	Loan	26/10/93	DH11MT	11127019				
20	Nguyễn Kim	Loan	12/08/92	DH10DD	10148133				
21	Nguyễn Thị Hồng	Loan	26/03/94	DH12QM	12149037		x		
22	Nguyễn Thị Mỹ	Lợi	28/10/93	CD11CQ	11333071				
23	Phạm Thắng	Lợi	28/04/94	DH12QM	12149038		x		
24	Trần Thanh	Long	03/10/93	CD11CS	11336062				
25	Nguyễn Thị	Lưỡng	27/04/93	CD12CA	12363317				
26	Bùi Thị Cẩm	Ly	28/12/94	CD12CA	12363234				
27	Phan Thị Thảo	Ly	06/11/93	DH11CT	11117056				
28	Trần Thị	Ly	06/11/92	DH12KE	12123140				
29	Dương Thị Phượng	Mai	13/07/94	DH12QT	12122033				
30	Hà Thị Thanh	Mai	06/01/93	DH11BV	11145110				
31	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	05/07/94	DH12GI	12162081				

Danh sách gồm 31 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có EK làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Tin học VP (THVP)

Ca 02

Phòng máy: PM4

Ngày thi: 27/12/14 Giờ thi: 9h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Trần Thị Tuyết	Mai	26/03/94	DH12KE	12123143				
2	Nguyễn Văn	Mạnh	16/07/93	DH11QM	11149238				
3	Nguyễn Thị	Mến	30/08/94	DH12KE	12123144				
4	Ngô Xuân	Minh	05/10/92	CD12CQ	12333158				
5	Đình Công	Minh	18/07/92	DH10DC	10151090				
6	Nguyễn Hoàng	Mót	13/03/93	DH11SM	11172116				
7	Nguyễn Thị Diễm	My	05/03/93	DH11DD	11148151				
8	Trần Thị Diễm	My	16/07/92	DH10DY	10142091				
9	Trần Thị Diễm	My	01/01/94	DH12BQ	12125413				
10	Nguyễn Thị Khánh	Mỹ	15/10/93	DH11CH	11131001				
11	Lê Văn Phước	Đặng	02/02/93	DH11QL	11124120				
12	Nguyễn Ngọc Thành	Đạt	11/09/92	DH10QM	10149035				
13	Nguyễn Thành	Đạt	28/07/96	DH14TD	14138045				
14	Vũ Tiến	Đạt	28/09/93	DH11QL	11124012				
15	Nguyễn Khoa	Nam	25/06/89	CD11CI	11344035				
16	Phạm Thị Nguyên	Đang	22/08/92	DH10TP	10125235				
17	Lương Trọng	Đến	06/01/92	CD11CQ	11333032				
18	Hoàng Thị	Nga	02/04/91	DH10PT	10121006				
19	Đặng Thị	Nga	10/08/93	DH11KM	11143237				
20	Nguyễn Thị	Nga	12/10/94	DH12LN	12114103				
21	Nguyễn Thị Kiều	Nga	10/08/93	DH12BQ	12125231				
22	Nguyễn Thị Thúy	Nga	27/11/94	DH12TA	12111321				
23	Trần Thị	Nga	17/02/94	DH12KT	12120034				
24	Huỳnh Như	Ngân	16/03/93	DH11DL	11157205				
25	Nguyễn Thị Thu	Ngân	07/09/92	DH10TB	10135069				
26	Trần Phụng	Ngân	15/07/93	DH11KE	11123129				
27	Vũ Hữu	Nghĩa	14/03/93	DH12OT	12154070				
28	Hồ Như	Ngọc	19/10/93	CD11CA	11329083				
29	Huỳnh Tấn	Ngọc	17/01/84	DH10KEGL	10123246				
30	Đặng Thị Bích	Ngọc	20/02/93	DH11SM	11172004				
31	Đặng Thị Bích	Ngọc	02/01/93	DH12NY	12116283		x		

Danh sách gồm 31 thí sinh. (Ghi chú: 'cột CC=x: có ~~ĐK~~ làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Tin học VP (THVP)

Ca 03

Phòng máy: PM1

Ngày thi: 27/12/14 Giờ thi: 12h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Nguyễn Thị	Ngọc	25/03/93	DH11BQ	11125078				
2	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	13/04/93	CD11CQ	11333083				
3	Nguyễn Thị Thúy	Ngọc	03/11/93	DH11DL	11157375				
4	Nguyễn Xuân	Ngọc	23/07/92	DH10SH	10126097				
5	Phạm Thị Minh	Ngọc	22/11/93	DH11SM	11172128				
6	Phan Thị Quỳnh	Ngọc	16/09/94	CD12CA	12363331				
7	Trần Thị ánh	Ngọc	22/02/94	DH12QD	12124054				
8	Võ Thị Thúy	Ngọc	05/09/91	LT12KEA	12423098				
9	Kim Thị Cẩm	Nguyên	17/02/89	DH10SP	10132020				
10	Đặng Thành	Nguyên	09/08/93	DH11NT	11116110				
11	Nguyễn Hải	Nguyên	26/06/94	DH12HH	12139077				
12	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	16/02/94	DH12KE	12123153				
13	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	04/09/92	DH11KT	11120083				
14	Nguyễn Thị ánh	Nguyệt	26/02/90	LT12QL	12424061				
15	Tạ Thị ánh	Nguyệt	20/12/93	DH12KE	12123038				
16	Trần Thị ánh	Nguyệt	29/10/93	DH11NH	11113153				
17	Luận Thành	Nhân	30/05/94	DH12QT	12122190				
18	Võ Công	Nhân	23/04/94	DH12QT	12122192				
19	Kha Minh	Nhật	09/09/93	DH11KM	11143082				
20	Thái Sinh	Nhật	19/05/86	DH10OT	10154089				
21	Võ Thị	Nhận	05/08/93	DH11QM	11149075				
22	Cao Hoàng Trang	Nhã	17/12/93	DH11TP	11125210				
23	Huỳnh Thị Thanh	Nhàn	15/04/94	DH12SH	12126205				
24	Đặng Thị Ngọc	Nhi	06/03/93	DH11NH	11113155				
25	Đào Hồng	Nhiên	12/10/93	DH12CB	12115098				
26	Cao Thị Cẩm	Như	08/10/93	DH11QM	11149501				
27	Đặng Quỳnh	Như	03/05/94	DH12GN	12115298				
28	Phùng Xuân	Nhượng	10/11/91	DH10PT	10121003				
29	Lê Thị Hồng	Nhung	15/06/94	DH12KE	12123162				
30	Lê Thị Hồng	Nhung	07/11/94	DH12KN	12155088		x		
31	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	15/11/95	DH13CN	13111354				

Danh sách gồm 31 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có EK làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Tin học VP (THVP)

Ca 03

Phòng máy: PM2

Ngày thi: 27/12/14 Giờ thi: 12h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Trần Thị Hồng	Nhung	01/09/90	LT12KEA	12423018				
2	Trương Thị Kiều	Ni	25/04/94	DH12QT	12122201				
3	Trần Khải	Điền	20/03/96	DH14BV	14145030				
4	Trương Văn	Điền	24/02/92	DH10CD	10153060				
5	Nguyễn Thị Hồng	Điểu	02/01/93	DH11QM	11149469				
6	Lê Hải	Đồng	21/09/95	DH13KN	13155088				
7	Dương Văn	Định	03/11/90	DH11NH	11113008				
8	Trương Đoàn	Định	19/10/90	DH10DL	10157041				
9	Lê Thị	Nữ	12/08/94	DH12KT	12120110				
10	Nguyễn Thị	Nữ	15/08/94	DH12KN	12155052				
11	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	15/12/91	DH10QMGL	10112300				
12	Đồng Thị	Nường	12/07/94	CD12CA	12363087				
13	Phạm Thị	Nường	16/08/93	DH11QM	11149290				
14	Đặng Hồng	Đức	28/02/92	DH10QL	10124039				
15	Nguyễn Huỳnh Công	Đức	14/08/92	DH10DC	10151007				
16	Trần Thị Ngọc	Nuôi	25/05/93	DH11BQ	11125082				
17	Phạm Hữu	Phần	24/06/86	DH10PT	10121008				
18	Bùi Văn	Phát	31/10/93	DH11DD	11148182				
19	Mai Tấn	Phát	21/02/93	DH11CN	11111112				
20	Nguyễn Thị Ngọc	Phi	31/03/89	LT12KEB	12423114				
21	Bùi Văn	Phổ	30/12/93	DH11NT	11116114				
22	Nguyễn Thanh	Phong	30/03/92	CD10CQ	10333068				
23	Lương Thị Bích	Phượng	15/09/94	DH12DD	12125080				
24	Trần Hữu	Phượng	05/05/94	DH12OT	12154090				
25	Võ Hồng	Phượng	22/09/90	LT12QT	12422034				
26	Lê Thị	Phồng	25/02/94	DH12KN	12155055				
27	Hoàng Văn	Phương	20/04/91	DH10TY	10112136				
28	Huỳnh Bích	Phượng	27/08/92	DH10DD	10148189				
29	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	16/09/92	DH10KN	10155024				
30	Nguyễn Văn	Phượng	18/11/91	CD10CS	10336149				
31	Trần Ngọc Yến	Phượng	07/10/94	DH12DD	12139129				

Danh sách gồm 31 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có EK làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Tin học VP (THVP)

Ca 03

Phòng máy: PM3

Ngày thi: 27/12/14 Giờ thi: 12h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Trương Thị	Phương	08/06/93	DH12TM	12122208				
2	Nguyễn Vĩnh	Phước	26/08/89	LT12SH	12426014				
3	Trần Hữu	Phước	12/12/92	CD10CI	10344019				
4	Hồ Nhìn	Phón	19/04/93	DH12QT	12122203				
5	Đoàn Minh	Phụng	31/01/93	DH11DD	11148019				
6	Võ Yến	Phụng	28/08/92	DH10TP	10119016				
7	Lê Hồng	Phú	24/03/92	DH10NHGL	10113248				
8	Lê Thanh	Phúc	05/04/93	CD11CQ	11333189				
9	Ngô Minh	Quân	21/10/92	DH10DL	10157153				
10	Nguyễn Thanh	Quang	29/10/92	DH10TY	10112144				
11	Nguyễn Trọng	Quang	07/08/92	DH10QR	10147070				
12	Hồ Ngọc	Quí	03/07/93	DH11SM	11172147				
13	Nguyễn Tấn	Quí	25/07/91	DH10TD	10138023				
14	Nguyễn Thị Như	Quyên	19/09/94	DH12BQ	12125484				
15	Hà Thị Phương	Quyên	14/09/92	DH10CH	10131051				
16	Huỳnh Thị Thảo	Quyên	26/07/94	DH12KE	12123166				
17	Lê Thị	Quyên	28/06/93	DH11KM	11143167				
18	Nguyễn Thị	Quyên	15/05/89	LT12KEB	12423128				
19	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	04/11/93	DH11KN	11155030				
20	Nguyễn Tố	Quyên	08/07/95	DH13MT	13127210				
21	Nguyễn Thị	Quý	26/02/93	DH11DD	11148329				
22	Nguyễn Thị	Quý	05/05/93	CD11CA	11363028				
23	Chau Chanh	Ra	20/05/88	DH10BV	10145031				
24	Tạ Triệu Hà	Riên	30/10/93	DH12NH	12113374				
25	Nguyễn Thị	Sâm	01/10/93	DH11VT	11156057				
26	Bùi Tuyết	Sang	22/01/94	DH12KS	12116168				
27	Nguyễn Mậu Hoàng	Sang	24/08/92	DH11SK	11158071				
28	Võ Anh	Sang	11/12/92	CD11CQ	11333109				
29	Nguyễn Thị Tuyết	Sen	30/12/93	DH11DL	11157425				
30	Châu Thị Ngọc	Siêng	10/04/94	DH12BQ	12125043				
31	Chiến Sủi	Sín	17/11/93	DH11SM	11172008				

Danh sách gồm 31 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có EK làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Tin học VP (THVP)

Ca 03

Phòng máy: PM4

Ngày thi: 27/12/14

Giờ thi: 12h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Dường Cấu	Sìn	04/06/93	CD11CS	11336167				
2	Châu	Sĩ	04/12/93	DH11KS	11171109				
3	Huỳnh Thái	Sơn	08/04/93	DH11NY	11141130				
4	Lê Ngọc	Sơn	09/10/92	DH11KM	11143189				
5	Lê Trần Nam	Sơn	10/05/93	DH11DL	11157265				
6	Đinh Ngọc	Sơn	04/09/92	DH10TY	10112151				
7	Phạm Văn	Sơn	01/05/93	DH11HH	11139105		x		
8	Trần Công	Sơn	09/03/93	DH11TY	11112191				
9	Trương Hoàng	Sơn	19/01/89	LT13KE	13123132				
10	Lê Thị	Sương	10/10/93	CD12CA	12363190				
11	Nguyễn Thị Diễm	Sương	14/08/94	DH12BQ	12125300				
12	Nguyễn Thị Diệu	Sương	25/03/94	DH12NY	12116192				
13	Vũ Nguyên Hoài	Sương	24/08/93	DH11DD	11148022				
14	Nguyễn Tiến	Sỹ	03/07/94	DH12DL	12149397				
15	Nguyễn Thị	Tâm	16/10/94	DH12QD	12124393				
16	Nguyễn Thị	Tâm	18/06/94	DH12QL	12124394				
17	Trần Văn	Tâm	06/01/92	DH10NHGL	10113240				
18	Nguyễn Hữu	Tấn	27/03/94	DH12NH	12113250				
19	Nguyễn Lương	Tây	24/04/86	LT12BQ	12425013				
20	Tăng Thị Thu	Tĩnh	10/03/94	CD12CA	12363300				
21	Võ Thị	Tạo	10/01/93	DH11QT	11122105				
22	Đào Lưu Hữu	Tài	14/11/94	DH12QT	12122216				
23	Nguyễn Đức	Tài	18/09/93	DH11QM	11149507				
24	Hồ Phi	Thân	18/03/92	DH11KS	11171144				
25	Nguyễn Thị Thu	Thân	20/11/92	DH10DL	10157175				
26	Lê Thị	Thấm	15/07/94	DH12DD	12125083				
27	Phạm Thị Hồng	Thấm	17/10/94	DH12QT	12122227				
28	Phạm Thị Ngọc	Thấm	04/03/94	DH12QT	12122228				
29	Phan Trường	Thắng	21/08/93	DH11NH	11113285				
30	Đặng Thị Tấn	Thanh	04/11/93	DH11NH	11113053				
31	Ngô Thị Kim	Thanh	19/09/93	DH11BV	11145015				

Danh sách gồm 31 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có ~~ĐK~~ làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Tin học VP (THVP)

Ca 04

Phòng máy: PM1

Ngày thi: 27/12/14 Giờ thi: 14h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Lê Thị Quỳnh	Trần	31/05/90	LT12KEB	12423158				
2	Trần Văn	Trạm	16/10/92	DH11QM	11149393				
3	Hoàng Thị Huyền	Trang	24/11/93	DH11SH	11126237				
4	Huỳnh Nguyễn Thảo	Trang	07/09/92	DH10TP	10148265		x		
5	Lê Ngọc	Trang	23/12/94	CD12CA	12363301				
6	Huỳnh Công	Trường	10/05/94	DH12NH	12113067				
7	Huỳnh Thế	Trung	11/07/94	DH12KT	12120032				
8	Kim Thành	Trung	14/11/93	DH11BQ	11125120				
9	Lê Thanh	Trung	29/05/94	DH12KT	12120026				
10	Lê Thành	Trung	25/06/93	DH11QM	11149406				
11	Lưu Quang	Trung	25/09/92	DH10DC	10151104				
12	Vũ Thị Kim	Trúc	22/08/93	DH11AV	11128112				
13	Nguyễn Thanh	Truyền	01/01/93	DH11QM	11149530				
14	Lê	Tuấn	22/10/93	DH11BV	11145189				
15	Lê Văn	Tuấn	20/10/92	DH10OT	10154088				
16	Nguyễn Ngọc	Tuấn	21/02/93	DH11HH	11139135				
17	Phan Ngọc	Tuấn	01/10/93	DH11DL	11157043				
18	Mai Anh	Tùng	08/04/92	DH10NHGL	10113253				
19	Nguyễn Minh	Tùng	27/10/94	DH12NY	12116367				
20	Nguyễn Thanh	Tùng	03/02/93	DH11TA	11161118				
21	Phạm Thanh	Tùng	05/02/92	DH10TP	10116155				
22	Trần Xuân	Tùng	10/11/90	DH11KE	11123084				
23	Nguyễn Thanh	Tú	19/04/94	DH12SP	12132165				
24	Phạm Thanh	Tú	15/05/92	DH11DD	11148263				
25	Trần Thị Cẩm	Tú	20/12/95	DH13TC	13122441				
26	Bùi Văn	Túc	20/12/93	DH11NT	11116123				
27	Trần Thị Phượng	Tuyến	03/02/94	CD12CA	12363203				
28	Ngô Thị Ngọc	Tuyến	25/06/92	DH10GE	10173036				
29	Nguyễn Thị Thanh	Tuyến	01/04/93	DH11DD	11148256				
30	Nguyễn Thị Thanh	Tuyến	24/03/92	DH10TB	10135129				
31	Trần Thị Thanh	Tuyến	10/10/93	DH11SM	11172196				

Danh sách gồm 31 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có ~~ĐK~~ làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Tin học VP (THVP)

Ca 04

Phòng máy: PM2

Ngày thi: 27/12/14 Giờ thi: 14h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Mai Thị	Tuyên	16/02/89	LT12QL	12424091				
2	Lưu Thị Yến	Tuyết	15/09/93	DH11KE	11123053				
3	Võ Thị Bạch	Tuyết	28/04/94	DH12NH	12113071				
4	Bạch Thị Phương	Uyên	22/01/93	DH11KM	11143207				
5	Nguyễn Thị	Vân	02/09/92	DH11DD	11148350				
6	Nguyễn Thị	Vân	17/02/93	DH11NH	11113239				
7	Nguyễn Thị	Vân	02/02/94	DH12KT	12120207				
8	Nguyễn Thị Bích	Vân	22/11/94	DH12QL	12124346				
9	Nguyễn Thị Hồng	Vân	07/03/93	DH11QM	11149431		x		
10	Nguyễn Thị Tuyết	Vân	01/10/94	CD12CA	12363324				
11	Phạm Thị Thu	Vân	17/08/93	CD12CA	12363039				
12	Phạm Ngọc	Vàng	15/04/93	DH11SK	11158028		x		
13	Bạch Thị Tường	Vi	01/10/93	DH12KM	12120458				
14	Hồ Tấn	Vinh	22/06/92	DH11QM	11149433				
15	Ngô Quang	Vinh	22/01/95	DH13NK	13114571				
16	Võ Hoàng	Vĩnh	17/08/91	DH11NH	11113042				
17	Cao Tấn	Vũ	12/10/91	DH10NHGL	10149279				
18	Lê Hoàng Phong	Vũ	13/08/93	DH11QM	11149537				
19	Nguyễn Thành	Vũ	28/07/94	DH12QM	12149653				
20	Lê Phương ánh	Vy	27/04/94	DH12KE	12123206				
21	Nguyễn Ngọc Thúy	Vy	22/09/93	DH11QM	11149443				
22	Nguyễn Thị Thúy	Vy	02/01/94	DH12KE	12123209				
23	Nguyễn Thị Tường	Vy	16/06/91	LT12QL	12424094		x		
24	Nguyễn ý	Vy	09/09/93	DH11QM	11149539		x		
25	Phan Trần Thụy	Vy	09/08/95	DH13SM	13126407				
26	Hồng Hoa	Xinh	13/05/93	DH11DL	11157368				
27	Phan Thị Thanh	Xuân	18/10/93	DH12KE	12123210				
28	Lê Thị	Xuyến	02/01/93	DH11BV	11145260				
29	Nguyễn Thúy	Xuyên	30/01/93	DH11KE	11123187				
30	Bùi Thị Ngọc	Yến	18/10/93	DH11BV	11145261				
31	Hà Thị Hải	Yến	01/04/94	DH12KE	12123213				

Danh sách gồm 31 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có ~~ĐK~~ làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Tin học VP (THVP) Ca 04 Phòng máy: PM3
Ngày thi: 27/12/14 Giờ thi: 14h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Nguyễn Hải	Yến	23/04/93	DH11BV	11145206				
2	Võ Thị	Yến	23/04/92	DH11DD	11148288				
3	Mai Hồng	Yên	15/03/90	DH11NT	11116005				
4	Nguyễn Thị Xuân	Yên	28/08/93	DH11TP	11125218				
5	Nguyễn Đăng Như	ý	16/08/93	CD11CA	11363079				
6	Nguyễn Thị Như	ý	25/11/94	DH12KE	12123218				
7	Võ Ngọc	ý	06/02/93	DH11QM	11149541				

Danh sách gồm 7 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có ~~ĐK~~ làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1: TRUNG TÂM TIN HỌC
CB coi thi 2:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Tin học VP (THVP)

Ca 05

Phòng máy: PM1

Ngày thi: 27/12/14 Giờ thi: 16h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Nguyễn Cao	Thanh	01/06/94	DH12NH	12113252				
2	Phan Đức	Thanh	15/12/92	DH10DC	10151030				
3	Trần Thị Vân	Thanh	08/07/93	DH11QM	11149331				
4	Võ Nguyễn Nhật	Thanh	05/12/93	DH11QL	11124047				
5	Đỗ Thị	Thánh	11/08/93	DH11VT	11156114				
6	Bùi Thị Phương	Thảo	15/12/94	DH12QR	12114244				
7	Chu Thị Thanh	Thảo	22/06/92	DH11DD	11148207				
8	Huỳnh Thanh	Thảo	07/09/94	DH12SH	12126066				
9	Huỳnh Thanh	Thảo	06/05/93	DH11BQ	11125143				
10	Lê Thị Phương	Thảo	29/06/93	DH11KE	11123146				
11	Lê Thị Thu	Thảo	19/02/94	DH12KE	12123238				
12	Lương Thị Phương	Thảo	05/01/94	CD12CA	12363223				
13	Lý Thị Thu	Thảo	06/02/94	DH12QR	12114056				
14	Nguyễn Ngọc Phúc	Thảo	10/12/89	LT12QT	12422042				
15	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	11/07/94	DH12QD	12124289				
16	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	24/10/93	DH12KE	12123169				
17	Nguyễn Thị Thu	Thảo	22/09/93	DH11QM	11149518				
18	Nguyễn Thị Thu	Thảo	10/02/92	DH12KT	12120126				
19	Nguyễn Thu	Thảo	20/09/93	DH11QM	11149340				
20	Đoàn Phương	Thảo	26/10/93	DH11QM	11149517				
21	Tạ Thị Thu	Thảo	08/10/94	DH12KM	12120355				
22	Thân	Thảo	22/11/93	DH11SH	11126212				
23	Thượng Ngọc	Thảo	13/11/92	DH10GE	10173017				
24	Trần Thị Thanh	Thảo	22/05/94	CD12CQ	12333346		x		
25	Hoàng Văn	Thế	27/07/93	DH11BQ	11125094				
26	Ngô Đức	Thế	11/11/92	CD11CS	11336251				
27	Lê Công Minh	Thi	16/03/91	DH11NH	11113051				
28	Lê Thị ái	Thi	02/03/92	CD10CQ	10333140				
29	Nguyễn Bảo	Thi	09/11/93	DH11TM	11150067				
30	Thạch Thị Sô	Thi	03/09/94	DH12NY	12116171				
31	Lâm Quang	Thiện	05/04/92	DH10OT	10154042				

Danh sách gồm 31 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có EK làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Tin học VP (THVP)

Ca 05

Phòng máy: PM2

Ngày thi: 27/12/14 Giờ thi: 16h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Nguyễn Công	Thiện	31/03/96	DH14TD	14138096				
2	Trần Phước	Thiện	11/01/94	DH12SH	12126251		x		
3	Nguyễn Thị Cẩm	Thơ	29/09/92	DH11TY	11112031				
4	Đỗ Thị Cẩm	Thơ	05/05/94	DH12TM	12122311				
5	Trương Thị Anh	Thơ	12/12/94	DH12KE	12123242				
6	Lê Thị Thanh	Thư	10/09/94	DH12KE	12123179				
7	Nguyễn Thị Bích	Thư	24/04/93	CD12CQ	12333250		x		
8	Nguyễn Vân Anh	Thư	05/04/94	DH12KE	12123180				
9	Phạm Thị Anh	Thư	15/09/93	DH11MT	11127318				
10	Trần Nguyễn Anh	Thư	17/03/93	DH11KM	11143213				
11	Trần Thị Anh	Thư	24/10/93	DH11VT	11156068				
12	Đào Thị Kim	Thoa	01/01/93	DH11QM	11149522				
13	Trần Thị Kim	Thoa	06/06/94	DH12NH	12113059				
14	Đặng Thị Phương	Thoại	13/06/94	DH12KN	12155098		x		
15	Đặng Thị	Thơm	19/09/92	CD11CS	11336252				
16	Bùi Ngọc	Thịnh	01/10/91	DH10NH	10113146				
17	Hồ Thị Hồng	Thịnh	09/05/92	DH10CN	10111062				
18	Lâm Đình Trường	Thịnh	29/05/92	DH10TY	10112179				
19	Nguyễn Tấn	Thịnh	02/05/93	DH11NH	11113286				
20	Lâm Văn	Thời	28/02/93	DH11NH	11113035				
21	Lâm Dương Hoài	Thương	20/09/94	DH12KS	12116200				
22	Nguyễn Ng. Thương	Thương	25/09/93	DH11CH	11131068				
23	Trần Thị Hoài	Thương	17/10/94	CD12CQ	12333349				
24	Bùi Văn	Thỏa	03/07/93	DH12NK	12114223				
25	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	25/04/95	DH13TC	13122396				
26	Lâm Phát	Thuận	16/06/92	DH11KS	11171112				
27	Lê Thị Mỹ	Thuận	12/10/94	CD12CA	12363113				
28	Võ Huỳnh Quyên	Thùy	21/11/93	DH11DD	11148024				
29	Lê Thị	Thúy	25/01/93	DH11NH	11113054				
30	Nguyễn Thị Vũ	Thúy	15/03/93	DH11NH	11113205				
31	Ninh Phương	Thúy	06/02/93	DH11VT	11156066				

Danh sách gồm 31 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có ~~ĐK~~ làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Tin học VP (THVP)

Ca 05

Phòng máy: PM3

Ngày thi: 27/12/14 Giờ thi: 16h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Phạm Lê Thanh	Thúy	06/07/93	DH11TC	11164031				
2	Nguyễn Thị	Thủy	20/01/93	DH11QM	11149365				
3	Nguyễn Thị Thu	Thủy	20/05/94	DH12DD	12125496				
4	Trần Thanh	Thủy	20/05/95	DH13HH	13139175				
5	Trần Thị Thu	Thủy	26/10/93	DH11DD	11148287				
6	Nguyễn Thị Ngọc	Thuy	26/08/95	CD13CQ	13333524				
7	Bùi Minh	Tiến	17/07/93	DH11KE	11123158				
8	Huỳnh Việt	Tiến	06/09/93	DH11MT	11127320				
9	Đỗ Thanh	Tiến	14/01/95	DH14NHA	14113222				
10	Lê Thị Thủy	Tiên	09/04/93	DH11DL	11157035				
11	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	27/03/93	DH11KM	11143130				
12	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	01/11/94	DH12QT	12122059				
13	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	04/03/95	DH13BQ	13125528				
14	Nguyễn Trần Thủy	Tiên	11/05/93	DH11NH	11113291				
15	Nguyễn Vũ Thùy	Tiên	25/11/92	DH10TB	10135106				
16	Đỗ Phượng Cẩm	Tiên	14/08/94	CD12CA	12363245				
17	Trần Ngọc Giáng	Tiên	16/07/92	DH10SM	10172058				
18	Nguyễn Thị Ngọc	Tiếp	10/09/93	CD11CS	11336189				
19	Nguyễn Thị	Tình	16/11/93	DH11QT	11122144				
20	Nguyễn	Tư	20/02/92	DH10DL	10157227				
21	Bùi Minh	Toàn	16/08/93	DH11NT	11116119				
22	Huỳnh Quang	Toàn	04/10/93	CD11CS	11336256				
23	Nguyễn Minh	Toàn	19/05/92	DH11QM	11149051				
24	Phan Quốc	Toàn	02/12/94	DH12QM	12149480				
25	Đặng Văn	Tốt	18/02/94	DH12NT	12116138				
26	Huỳnh Nguyễn Cát	Tường	29/06/93	DH11NH	11113238				
27	Trần Thị	Tư	24/03/94	CD12CA	12363323				
28	Lê Đặng Huỳnh	Trâm	14/12/93	DH11SH	11126241				
29	Lê Thanh	Trâm	02/08/92	DH11CN	11111031				
30	Trần Thị Hà	Trâm	09/05/93	DH11KE	11123082				
31	Huỳnh Thị Huyền	Trân	23/01/93	DH11QM	11149397				

Danh sách gồm 31 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có EK làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC

Môn thi: Tin học VP (THVP)

Ca 05

Phòng máy: PM4

Ngày thi: 27/12/14 Giờ thi: 16h00

STT	HỌ VÀ TÊN		N. SINH	Lớp	MÃ SV	MÁY	CC	KÝ TÊN	Ghi chú
1	Lê Thị Huyền	Trang	18/11/93	DH11QM	11149389				
2	Lê Thị Minh	Trang	26/11/93	DH11DD	11148238				
3	Ngô Thị Minh	Trang	25/01/92	DH10TP	10139245				
4	Nguyễn Lê Minh	Trang	25/11/92	DH10TP	10148267				
5	Nguyễn Thị Huyền	Trang	20/04/93	DH11NH	11113208				
6	Nguyễn Thị Kim	Trang	20/12/93	DH11TA	11161117				
7	Nguyễn Thị Thùy	Trang	22/11/86	LT12BQ	12425020				
8	Nguyễn Thị Thùy	Trang	06/09/93	DH11KM	11143111				
9	Đinh Thùy	Trang	08/09/94	DH12KE	12123190				
10	Đỗ Thị Huyền	Trang	06/12/92	DH10DY	10142179				
11	Trần Ngọc Thu	Trang	05/03/93	DH11BV	11145177				
12	Trần Thị Thu	Trang	06/07/93	DH11KM	11143112				
13	Võ Khánh	Trang	21/03/93	DH11MT	11127037				
14	Võ Thị Thu	Trang	10/08/93	DH11KT	11120018				
15	Vũ Thị	Trang	17/01/94	DH12KE	12123080				
16	Lư Minh	Trí	18/10/94	DH12KN	12155121		x		
17	Huỳnh Vũ Tuấn	Triều	12/10/93	DH11NH	11113214				
18	Nguyễn Thị ái	Triều	23/06/93	DH11TY	11112292				
19	Đào Thị Kim	Tring	20/10/92	DH10KM	10159005				
20	Nguyễn Thị	Trinh	10/08/94	DH12KE	12123245				
21	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	01/11/94	DH12NH	12113294				
22	Trần Thị Diễm	Trinh	02/07/93	DH11DY	11142113				
23	Trương Thùy Bảo	Trinh	26/09/93	DH11DD	11148246				
24	Nguyễn Trung	Trực	21/12/92	DH11NH	11113228				
25	Nguyễn Thị Kim	Trộn	16/02/94	DH12QT	12122315				
26	Hồ Văn	Trọng	14/04/94	DH12CN	12111277				

Danh sách gồm 26 thí sinh. (Ghi chú: cột CC=x: có ~~EK~~ làm chứng chỉ)

Số thí sinh có mặt: CB coi thi 1:

CB coi thi 2:

TRUNG TÂM TIN HỌC